

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST
Ngày: 10-3-2022
V/v tranh chấp dân sự
về hợp đồng mua bán gạo

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Thiện.

2. Bà Ngô Thị Mỹ Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều - Thư ký TAND Tp. Sa Đéc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2021/TLST-DS ngày 25/5/2021 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán gạo”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-DS ngày 10/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST-DS ngày 28/02/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp NQ, xã VT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Minh T1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp HQ, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/6/2021).

2. Bị đơn: Công ty TNHH NĐT.

Trụ sở: Đường T, ấp TL, xã TQT, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp .

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trường T2, sinh năm 1955.

Nơi ở hiện nay: đường NHD, Phường A, quận TB, Thành phố H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Trường T2, sinh năm 1955. Địa chỉ: Như trên.

3.2. Anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1979.

Địa chỉ: đường HT, Khu phố C, phường MĐ, thành phố PR, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện hợp pháp của anh Đ: Ông Nguyễn Trường T2, sinh năm 1955. Địa chỉ: Như trên. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/5/2021).

Tại phiên tòa: Chị T1 có mặt. Ông T2 và anh Đ vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị T; quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, chị Nguyễn Minh T1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Trong năm 2017 và 2018, bà Nguyễn Thị T đã nhiều lần giao dịch mua bán gạo với Công ty TNHH NĐT - do ông Nguyễn Trường T2 là người đại diện theo pháp luật (gọi tắt là “Công ty”). Nội dung giao dịch, cụ thể: Khi nào có thương lái đến bán gạo cho Công ty thì chị T sẽ đứng ra thu mua gạo của thương lái và bán lại cho Công ty để hưởng huê lợi. Tuy nhiên giao dịch diễn ra nhiều lần nên chị T không nhớ họ tên thương lái và cũng không nhớ phần huê lợi thu được của mỗi lần giao dịch là bao nhiêu.

Cho nên, ngày 21/02/2020, giữa chị T và Ông T2 tổng cộng lại số tiền mua bán gạo. Theo phiếu nhập kho do anh Nguyễn Tấn Đ lập thể hiện: Chị T bán cho Công ty 360 tấn gạo, loại gạo NL504, giá 6.900đ/kg, tính tròn thành tiền là 2.500.000.000đ và hẹn ngày 28/02/2020 Công ty sẽ thanh toán số tiền 18.000.000đ và đến ngày 05/3/2020, Công ty sẽ thanh toán tiếp số tiền 18.000.000đ. Tuy nhiên sau đó, Công ty chỉ thanh toán cho bà T 01 lần với số tiền 18.000.000đ rồi ngưng.

Đến ngày 13/8/2020, Ông T2 đại diện Công ty ký biên nhận còn nợ bà T số tiền mua bán gạo tổng cộng là 2.500.000.000đ. Đối với số tiền 18.000.000đ đã thanh toán, Công ty tự nguyện hỗ trợ phần tiền lãi cho bà T nên không cần trừ vào khoản nợ gốc 2.500.000.000đ.

Nay, bà Nguyễn Thị T yêu cầu Công ty TNHH NĐT, ông Nguyễn Trường T2 và anh Nguyễn Tấn Đ liên đới trả nợ gốc 2.500.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 21/02/2020 đến ngày 21/5/2021 (15 tháng), lãi suất 1%/tháng, thành tiền là 375.000.000đ; tổng cộng là 2.875.000.000đ.

Ngoài ra, bà T không còn yêu cầu gì khác.

Quá trình tham gia tố tụng, ông Nguyễn Trường T2 là người đại diện hợp pháp của bị đơn - Công ty TNHH NĐT; đồng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đồng thời, là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Nguyễn Tấn Đ trình bày:

Ông T2 không thống nhất lời trình bày của bên nguyên đơn.

Ông T2 xác định: Công ty không có giao dịch mua bán gạo với chị T. Số tiền 2.500.000.000đ mà Công ty còn nợ chị T là tiền vay. Hình thức vay: Số tiền chị T cho Công ty vay được quy đổi bằng giá gạo tại thời điểm vay; từ số gạo quy đổi, Công ty lập phiếu nhập kho; tiền lãi được tính 10đ/kg gạo. Việc vay tiền quy đổi bằng số lượng gạo diễn ra nhiều lần, lặp đi lặp lại từ năm 2017 đến tháng 6/2019.

Do đó, ngày 21/02/2020, giữa Ông T2 và bà T thống nhất nội dung phiếu nhập kho do anh Đ lập xác nhận: Công ty còn nợ bà T tổng số tiền 2.500.000.000đ và hẹn ngày 28/02/2020 Công ty sẽ thanh toán số tiền 18.000.000đ và đến ngày 05/3/2020 Công ty sẽ thanh toán tiếp số tiền 18.000.000đ.

Đến ngày 13/8/2020, Ông T2 đại diện Công ty ký biên nhận còn nợ bà T tổng số tiền 2.500.000.000đ. Do đó, Ông T2 thừa nhận: Hiện tại, Công ty còn nợ bà T số tiền 2.500.000.000đ.

Nay, Công ty TNHH NĐT, Ông T2 và anh Đ đồng ý liên đới trả cho bà T số tiền nợ gốc 2.500.000.000đ và xin được giảm tiền lãi.

Ngoài ra, Ông T2 không có yêu cầu gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH NĐT, ông Nguyễn Trường T2 và anh Nguyễn Tấn Đ trả cho bà Nguyễn Thị T tiền mua bán gạo còn nợ là 2.500.000.000đ và 311.250.000đ tiền lãi; tổng cộng là 2.811.250.000đ.

Về án phí, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

(Có bài phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới trả tiền mua gạo còn nợ; xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán gạo”; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Trường T2 và anh Nguyễn Tấn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu Công ty TNHH NĐT, ông Nguyễn Trường T2 và anh Nguyễn Tấn Đ liên đới trả nợ gốc 2.500.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 21/02/2020 đến ngày 21/5/2021 (15 tháng), với lãi suất 1%/tháng, thành tiền là 375.000.000đ; tổng cộng là 2.875.000.000đ, HĐXX nhận định:

[2.1]. Về giao dịch được xác lập giữa bà Nguyễn Thị T và Công ty TNHH NĐT:

[2.1.1]. Đối chiếu lời trình bày của nguyên đơn với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Giữa bà T và Công ty TNHH NĐT giao dịch mua bán gạo nhiều lần, lặp đi lặp lại, trong khoảng thời gian dài bằng hình thức: Chị T đứng ra thu mua gạo của thương lái và bán lại cho Công ty để hưởng huê lợi. Ngày 21/02/2020, hai bên tổng cộng phiếu nhập kho và thống nhất: Chị T bán cho Công ty 360 tấn gạo, loại gạo NL504, giá 6.900đ/kg, tính tròn thành tiền là 2.500.000.000đ.

[2.1.2]. Ông T2 không thống nhất lời trình bày của bên nguyên đơn. Ông T2 xác định: Số tiền 2.500.000.000đ là tiền chị T cho Công ty TNHH NĐT vay bằng hình thức quy đổi giá gạo tại thời điểm vay; từ số gạo quy đổi, Công ty lập phiếu nhập kho; tiền lãi được tính 10đ/kg gạo. Ngày 21/02/2020, Công ty lập phiếu nhập kho để tổng cộng lại số tiền còn nợ chị T là 2.500.000.000đ. Tuy nhiên, Ông T2 không có chứng cứ gì để chứng minh khoản nợ 2.500.000.000đ là tiền vay.

[2.1.3] Do đó, HĐXX xác định: Số tiền 2.500.000.000đ là tiền mua gạo mà Công ty còn nợ bà T và đủ cơ sở xác định: Giữa bà T và Công ty có xác lập hợp đồng mua bán (gạo) theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự 2015; làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2]. Về nợ gốc:

[2.2.1]. Các bên đương sự đều thừa nhận: Hiện tại, Công ty TNHH NĐT còn nợ bà T số tiền 2.500.000.000đ. Tình tiết này không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX công nhận.

[2.2.2] Tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả tiền: *“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng...”*. Theo đó, bà T yêu cầu Công ty TNHH NĐT, Ông T2 và anh Đ liên đới trả nợ gốc 2.500.000.000đ là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Song song đó, Công ty TNHH NĐT, Ông T2 và anh Đ cũng đồng ý liên đới trả cho bà T nợ gốc 2.500.000.000đ nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của đương sự.

[2.3]. Về tiền lãi:

[2.3.1]. Tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ

trả tiền: “...3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”. Tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015 quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: “1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên...; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”. Theo quy định đã viện dẫn, Công ty TNHH NĐT, Ông T2 và anh Đ có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi cho bà T trên nợ gốc 2.500.000.000đ từ ngày 21/02/2020 đến thời điểm xét xử. Xét thấy, chị T chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 21/02/2020 đến ngày 21/5/2021 (15 tháng) là có lợi cho Công ty TNHH NĐT, Ông T2 và anh Đ nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của bà T. Tuy nhiên, bà T yêu cầu mức lãi suất 1%/tháng là chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không chấp nhận.

[2.3.2]. Cho nên, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định bằng 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng). Vì vậy, Công ty TNHH NĐT, Ông T2 và anh Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền lãi bằng:

$$2.500.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 15 tháng = 311.250.000đ.$$

[2.4]. Từ những nhận định nêu trên, việc bà T yêu cầu Công ty TNHH NĐT, Ông T2 và anh Đ liên đới trả nợ gốc số tiền 2.500.000.000đ và 375.000.000đ tiền lãi chỉ có căn cứ chấp nhận một phần. Theo đó, Công ty TNHH NĐT, ông Nguyễn Trường T2 và anh Nguyễn Tấn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T nợ gốc 2.500.000.000đ và 311.250.000đ tiền lãi; cộng cộng là 2.811.250.000đ.

[3]. Qua ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, đúng tình tiết nội dung vụ án nên HĐXX chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Công ty TNHH NĐT, Ông T2 và anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của chị T được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 92 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 430, 440, 468 và 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc Công ty TNHH NĐT, ông Nguyễn Trường T2 và anh Nguyễn Tấn Đ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T nợ gốc 2.500.000.000đ và 311.250.000đ tiền lãi; công cộng là 2.811.250.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị T chịu 3.187.500đ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 44.750.000đ, bà T đã nộp theo biên lai số 0013757 ngày 25/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ vào án phí phải nộp. Sau khi khấu trừ, bà T được nhận lại số tiền 41.562.500đ.

- Công ty TNHH NĐT, ông Nguyễn Trường T2 và anh Nguyễn Tấn Đ liên đới chịu 88.225.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Sa Đéc;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THA dân sự Tp. Sa Đéc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

ĐÃ KÝ

Phạm Hoàng Anh